

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 9 - 2021.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tân Văn Dũng.

2. Bà Chu Thị An.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 122/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 18/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2021/QĐST - HNGĐ ngày 20/9/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh 1962 (có mặt).

- Bị đơn: Bà Phan Thị Ngọc T, sinh 1981 (vắng mặt không có lý do).

Cùng địa chỉ: 64 Từ T, Tổ dân phố 2, thị trấn L, huyện T, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 11/6/2021, bản tự khai ngày 01/7/2021 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Trước khi kết hôn ông và bà T có tình yêu đương do ông thương hoàn cảnh gia đình của bà T. Ông và bà T đến đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Q, tỉnh Q vào ngày 19/8/2003.

Quá trình chung sống vợ chồng sống không có hạnh phúc thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính khí bà T bất thường hay la chửi chồng con một cách vô cớ, sự chênh lệch về tuổi tác quá lớn. Ông và con thường

xuyên khuyên giải nhưng bản tính bà T không thay đổi. Vợ chồng sống ly thân không còn quan hệ với nhau.

Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Phan Thị Ngọc T.

Về con chung: Có 01 con tên Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 13/8/2006. Ông C yêu cầu trường hợp con chung mong muốn ở với ai thì người kia có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, quá trình làm việc bà T né tránh không đến Tòa nên ông C thay đổi ý kiến yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Không có (không nợ Ngân hàng và cũng không nợ bất kỳ ai).

- Bị đơn bà Phan Thị Ngọc T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, nhưng bà T không có văn bản trình bày ý kiến, khi đến Tòa để làm việc bà từ chối trình bày về việc nguyên đơn khởi kiện.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi nghị án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Đối với nguyên đơn thực hiện đúng các Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định các Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C. Ông C phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đều cư trú tại huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2]. Về xét xử vắng mặt bị đơn: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ và hợp lệ cho bà Phan Thị Ngọc T được quy định tại Điều 174 và Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bà T đều không hợp tác và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình. Bà T vắng

mặt không có lý do trong hai lần mở phiên tòa xét xử. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Thiện.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn C và bà Phan Thị Ngọc T có đăng ký kết hôn ngày 19/8/2003 tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Q, tỉnh Q. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được pháp luật công nhận quy định tại các Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo lời trình bày của ông C trong quá trình vợ chồng ông, bà chung sống với nhau không có hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tuổi tác chênh lệch, tính khí bà T bất thường hay la chửi chồng con một cách vô cớ, tình cảm vợ chồng không còn. Ông xin được ly hôn bà T.

Đối với bà Phan Thị Ngọc T trong quá trình Tòa thụ lý giải quyết, Tòa án triệu tập bà đến làm việc thì bà không có ý kiến trình bày theo yêu cầu của Tòa án mà có văn bản không đúng với nội dung mà Tòa yêu cầu, không hợp tác, có thái độ cố tình tránh né. Bà T cũng đã nhận nhiều văn bản tố tụng của Tòa nhưng không đến làm việc, bà T đã từ bỏ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ nhưng ông C và bà T không làm được. Cụ thể vào năm 2012 ông C có khởi kiện ly hôn, Tòa đã thụ lý nhưng sau đó ông C rút đơn khởi kiện và về chung sống lại với bà T. Nhưng quá trình chung sống vợ chồng ông bà tình cảm không tiến triển mà còn trở nên trầm trọng, tuy ông bà ở chung một nhà nhưng không quan tâm lẫn nhau, sống ly thân. Xét tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân cũng chỉ là ràng buộc. Do đó, để giải phóng cho ông C bà T có cuộc sống riêng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn C được ly hôn bà Phan Thị Ngọc T.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 13/8/2006, ông Nguyễn Văn C xin được tiếp tục nuôi con, nguyện vọng của Cháu H được ở với ông C, nên được chấp nhận. Tại phiên tòa ông C không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con, nên chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Ông C không yêu cầu Tòa giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp ông C, bà T xét thấy quyền lợi của mình bị ảnh hưởng thì ông bà có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

Về nợ chung: Ông C trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định, phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Căn cứ vào Điều 8, Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C được ly hôn bà Phan Thị Ngọc T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 13/8/2006 cho ông Nguyễn Văn C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông C không yêu cầu bà Phan Thị Ngọc T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Ông C không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn C chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) ông C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0007199 ngày 15/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND phường Chánh Lộ, tp. Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Ngọc Thông